

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày 09-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Số 108 Đ, phường N, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Diễm T, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: Số 20 Độc Lập, Khu công nghiệp S, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 794/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 01/7/2022). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty H, trụ sở: Số 27 đường số 16, KDC Himlam, xã H1, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1982, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Vĩ N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 9/2 Bis, tổ 2, khu phố 4, phường T1, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn do bà Dương Thị Diễm T đại diện trình bày:

Ngày 31/12/2021, Ngân hàng C- Chi nhánh D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký hợp đồng cho vay với Công ty H (sau đây gọi tắt là công ty H) theo hợp đồng cho vay hạn mức số 190/2021-HĐCVHM/NHCT91-GADA. Hạn mức cho vay tối đa theo hợp đồng tín dụng là 20.000.000.000đ. Theo đó, Ngân hàng cho công ty H vay số tiền 13.850.000.000đ, thời hạn vay 04 tháng, trả gốc cuối kỳ và trả lãi hàng tháng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh cồn nhiên liệu biến tính (ethanol) và các sản phẩm nhiên liệu đốt khác (không bao gồm xăng dầu); lãi suất tại thời điểm vay 7,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh một (01) tháng một lần hoặc theo quy định Ngân hàng từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay trên của công ty H được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền trên đất, gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1087, 4m² thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã Đ1, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 13806 do UBND huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 10/12/2020 theo Hợp đồng thế chấp số 016/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 14/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.054 m² thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04492 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 001/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04499 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 001/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 919m² đất thuộc thửa đất số 472, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04495 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 002/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04497 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 002/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 887m² đối với phần đất thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04494 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 003/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04498 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 003/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 886m² thuộc thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04493 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 004/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04496 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 25/04/2019, đăng ký biến động cho bà Đặng Vĩ N ngày 23/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp số 004/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

Thực hiện theo hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty H số tiền 13.850.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ số 04 ngày 11/5/2022, giấy nhận nợ số 05 ngày 18/5/2022 và giấy nhận nợ số 06 ngày 18/5/2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty H đã không thực hiện trả nợ theo cam kết giữa hai bên đã ký trong hợp đồng cho vay dẫn đến khoản vay chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 27/6/2022. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với công ty H để thông báo nhắc nợ đến hạn, quá hạn và làm việc với công ty H về việc trả nợ nhưng công ty H đã không thực hiện đầy đủ nợ gốc và lãi. Do công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty H phải trả số nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức đã ký tính đến ngày 09/3/2023, tổng số tiền 15.098.338.726đ, trong đó: Nợ gốc 13.850.000.000đ; lãi quá hạn 950.222.972 đồng, lãi phạt 298.115.753đ.

+ Công ty H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 10/3/2023 cho Ngân hàng C theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc.

+ Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

- *Đối với bị đơn Công ty H:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cung cấp tài liệu, chứng cứ; tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do, bị đơn cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Vĩ N:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Như có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp chứng cứ, tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do; không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Qua thực tế xem xét, thẩm định tại chỗ trên thửa đất thế chấp số 61 tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã Đ1, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh và các thửa đất thế chấp số 206,470, 471,472,474,475,476,477 tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An thế chấp hiện đang là đất trống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/02/2023 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, hợp đồng cho vay số 190/2021-HĐCVHM/NHCT91-GADA là đúng thẩm quyền, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty H số tiền vay 13.850.000.000đ, theo các giấy nhận nợ số 04 ngày 11/5/2022, giấy nhận nợ số 05 ngày 18/5/2022 và giấy nhận số 06 ngày 18/5/2022, thời hạn của khoản vay là 04 tháng, kể từ ngày nhận nợ. Đây là hình thức vay trả lãi hàng tháng, gốc cuối kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn mới thanh toán được 5.996.206đ nợ lãi, kể từ ngày 27/6/2022 cho đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện, bị đơn không thanh toán tiếp khoản nợ gốc và lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi còn nợ. Như vậy, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 09/3/2023 là tổng số tiền 15.098.338.726đ, trong đó: Nợ gốc 13.850.000.000đ; lãi quá hạn 950.222.972đ, lãi phạt 298.115.753đ.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/3/2023 cho đến khi bị đơn trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 190/2021-HĐCVHM/NHCT91-GADA ngày 31/12/2021.

[2.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thực hiện việc thông báo cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết việc khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến hòa giải, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến tham gia hòa giải, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc nhiên thừa nhận đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

Căn cứ vào Công văn số 00529/ĐKKD-T6 ngày 19/01/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh: Công ty H có trụ sở tại Số 27 đường số 16, KDC Himlam, xã H1, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là Phạm Ngọc Thành, đến nay Công ty

chưa đăng ký giải thể cũng như chưa thông báo chấm dứt hoạt động. Do đó, có đủ căn cứ xác định đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn chưa chia tách, sáp nhập hay giải thể doanh nghiệp. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận.

[3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo:

[3.1] Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba, giữa Ngân hàng C và chủ tài sản thế chấp là bà Đặng Vĩ N đã được ký kết đúng thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai; Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, bà Đặng Vĩ N đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty H, bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 016/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày ngày 14/01/2022: Tài sản thế chấp là diện tích đất 1087.4m², thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã Đ1, huyện C3, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày ngày 05/01/2022: Tài sản thế chấp là diện tích đất 1504m² thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An; diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 002/2022/HĐBĐ/NHCT901 ký ngày ngày 05/01/2022: Tài sản thế chấp là diện tích đất 919m² thuộc thửa đất số 472, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An; diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 003/2022/HĐBĐ/NHCT901 ký ngày ngày 05/01/2022: Tài sản thế chấp là diện tích đất 887m² thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An; diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 004/2022/HĐBĐ/NHCT901 ký ngày ngày 05/01/2022: Tài sản thế chấp là diện tích đất 886m² thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An; diện tích đất 100m² thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An.

[3.2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2023 thể hiện: Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã Đ1, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đất trống.

[3.3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2023 thể hiện: Tại các thửa đất số 206, 470, 471, 472, 474, 475, 476, 477, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An hiện đất trống.

Tại khoản 1.02 Điều 1 của các Hợp đồng thế chấp thể hiện “*Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay*”. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Chi Phí tố tụng khác:

- Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự số tiền 7.000.000đ, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn phải nộp số tiền là 7.000.000đ để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã đóng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 10.000.000đ. Do đó, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 298, Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đối với bị đơn Công ty H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay Hạn mức số 190/2021-HĐCVHM/NHCT91-GADA ngày

31/12/2021, tính đến ngày 09/03/2023 là 15.098.338.726đ (mười lăm tỷ không trăm chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), trong đó:

- + Nợ gốc 13.850.000.000đ (mười ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng);
- + Nợ lãi quá hạn 950.222.972đ (chín trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng);
- + Lãi phạt 298.115.753đ (hai trăm chín mươi tám triệu một trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

1.2 Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/3/2023 cho đến khi Công ty H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức đã ký.

2. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- + Quyền sử dụng đất diện tích 1087.4m² thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã Đ1, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 016/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 14/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 1504m² thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 001/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 477, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 001/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 919m² thuộc thửa đất số 472, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 002/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 002/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 887m² thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 003/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 100m² thuộc thửa đất số 475, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 003/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

- + Quyền sử dụng đất diện tích 886m² thuộc thửa đất số 470, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 004/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100m² đối với phần đất thuộc thửa đất số 474, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp B1, xã M, huyện Đ3, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 004/2022/HĐBĐ/NHCT901 ngày 05/01/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty H phải chịu 123.098.339đ (một trăm hai mươi ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.024.454đ (sáu mươi một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000857 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An.

4. Chi phí tố tụng khác:

- Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) Công ty H phải chịu. Ngân hàng C đã tạm ứng trước nên Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng C số tiền trên.

- Công ty H phải trả lại cho Ngân hàng C chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương

